TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/DS-PT
Ngày 30-11-2021
V/v tranh chấp chia tài sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái;

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn;

Ông Cao Đức Chiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2021/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp chia thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Hà Thị L; địa chỉ: Số nhà xx, ngõ xx, đường B, khu N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T; địa chỉ: Khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trường S và ông Nguyễn Chính N; cùng địa chỉ: Số nhà xx, ngõ xx, đường B, khu N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, cả hai đều có mặt.

Bà Nguyễn Thị Bích T (Nguyễn Thị T); địa chỉ: Số nhà xx, đường C, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Thị Bích T là các bị đơn.

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cụ Nguyễn Văn H kết hôn với cụ Nguyễn Thị T1 sinh được ba người con là: Ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Thị Bích T. Năm 1982, cụ Nguyễn Thị T1 chết, cùng năm, cụ Nguyễn Văn H kết hôn với cụ Hà Thị L. Quá trình chung sống, cả gia đình đã sống trên diện tích khoảng 1.300m^2 tại khu N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Năm 1990, ông Nguyễn Trường S lập gia đình mới nên đã ra ở riêng, cụ Nguyễn Văn H đã chia cho ông Sơn 13m mặt đường, cả gia đình đều nhất trí và không ai có ý kiến gì. Đến năm 2012, Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE429324 đứng tên ông Nguyễn Văn H đối với diện tích 781m^2 thuộc thửa 122, tờ bản đồ số 13 bản đồ địa chính thị trấn H. Hiện nay, diện tích trên thực tế khi đi xem xét thẩm định tại chỗ chỉ còn là 734,5m^2; các đương sự đều nhất trí với diện tích 734,5m^2 để yêu cầu chia thừa kế. Trên đất, có một ngôi nhà cấp 4 ba gian xây năm 1995 và một số cây trồng khác như: Vải, mít, xoan, mác mật, quất hồng bì, lúc lác...

Nguyên đơn cụ Hà Thị L trình bày: Diện tích đất đứng tên cụ Nguyễn Văn H đúng là một phần đã có từ trước khi cụ về chung sống với cụ Nguyễn Văn H, tuy nhiên, sau khi cụ và cụ Nguyễn Văn H về chung sống cùng nhau, cụ có mua thêm diện tích đất nữa nên tài sản không phải tài sản riêng của ông Nguyễn Văn H, cụ cũng có phần đóng góp nhiều vào đó, việc xây dựng nhà cửa, cụ cũng là người tự đứng ra lo liệu rất nhiều. Tuy nhiên, cụ cũng khẳng định bản thân cụ tuổi đã cao, sức khỏe yếu, có lấy nhiều đất cụ cũng không thể nào làm được nên cụ chỉ yêu cầu Tòa án chia đất đứng tên cụ Nguyễn Văn H thành 04 phần, cụ được hưởng 01 phần trong đó có ngôi nhà để cụ sinh sống những năm cuối đời, còn lại 03 phần sẽ chia đều cho bà Nguyễn Bích T, ông Nguyễn Chính N, ông Nguyễn Trường S, ai được phần đất nào trên có tài sản gì sẽ được quản lý, sử dụng những tài sản trên phần đất được chia. Ngoài ra, để thuận tiện cho quá trình quản lý, sử dụng đất cụ yêu cầu Tòa án chia đảm bảo có con đường đi lại thuận tiện cho các thửa đất, con đường rộng khoảng 2 – 3m là phù hợp.

Các bị đơn ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Thị Bích T trình bày: Đối với diện tích 734,5m^2 là tài sản của bố mẹ các bị đơn để lại, không phải là tài sản chung của vợ chồng như nguyên đơn đã trình bày; đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bố là ông Nguyễn Văn H năm 2012, đất có nguồn gốc do bố mẹ ông là Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị T1 mua từ năm 1978 của ông Hoàng Hữu T, khi cụ Hà Thị L đến ở cùng với bố ông đã có đất, có nhà. Năm 2017, bố ông chết đi, tài sản bố ông để lại cụ Hà Thị L vẫn được quản lý, sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn đồng ý theo ý kiến của nguyên đơn tài sản chia làm 04 phần và để lại nhà cho nguyên đơn sử dụng tuy nhiên, tại

phiên tòa sơ thẩm, các bị đơn thay đổi ý kiến đề nghị chia đều cắt dọc theo đất hoặc toàn bộ diện tích 734,5m^2 bán đi lấy tiền sau đó chia đều cho 4.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 15/7/2021và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 01/2021/QĐ-SCBSBA ngày 30/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Phân chia cho cụ Hà Thị L được quản lý, sử dụng diện tích 112,6m^2 thuộc thửa 122, tờ bản đồ số 13 (trong đó có 100m^2 đất ở và 12,6m^2 đất trồng cây lâu năm); đất có vị trí đỉnh thửa M2, M1, A3, A4, A5, A6 và sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 trên đất; ½ mái proximang, 01 sân láng xi măng, 01 bếp.

- Phân chia cho bà Nguyễn Thị T được quản lý, sử dụng diện tích 155,2m^2 thuộc thửa 122, tờ bản đồ số 13, đất có vị trí đỉnh thửa M3, M2, A6, A7, A8 và sở hữu 02 cây mác mật, 01 cây mít, 01 cây lúc lác, 20 cây chuối lá, ½ bếp xây cay sỉ, ½ mái lợp trước bếp, ½ sân gạch trước bếp.

- Phân chia cho ông Nguyễn Chính N được quản lý, sử dụng diện tích 155,2m^2 thuộc thửa 122, tờ bản đồ số 13; đất có vị trí đỉnh thửa M4, M3, A8, A9, A10 và sở hữu 06 cây mác mật, 01 cây lúc lác, 01 cây chuối lá, 01 cây quất hồng bì, 11 cây chuối lá, 03 cây đu đủ.

- Phân chia cho ông Nguyễn Trường S được quản lý, sử dụng diện tích 155,2m^2 thuộc thửa 122, tờ bản đồ số 13; đất có vị trí đỉnh thửa M5, M4, A10, A11, A12 và sở hữu 02 cây mít, 01 cây vải, 01 cây xoan.

- Về lối đi chung: Thực hiện mở lối đi chung rộng 2,8m có tổng diện tích 157,2m^2 thuộc thửa 122, tờ bản đồ số 13; đất có vị trí đỉnh thửa A1, A2, M1, M2, M3, M4, M5.

- Giao cho cụ Hà Thị L, ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Thị Bích T được quyền đồng quản lý sử dụng lối đi chung rộng 2,8m có tổng diện tích 157,2m^2 thuộc thửa 122, tờ bản đồ số 13; đối với các tài sản trên đất giao cho cụ Hà Thị L, ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Thị Bích T được quyền đồng quản lý sử dụng và có trách nhiệm di dời khi mở lối đi.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, các bị đơn ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N và bà Nguyễn Thị Bích T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm để xét xử lại, chia di sản thừa kế theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 35/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị sửa Bản

án dân sự sơ thẩm số: 08/2021/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn với nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cụ Hà Thị L và các bị đơn ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Thị Bích T thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể: Ông Nguyễn Trường S, Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Bích T có nghĩa vụ thanh toán cho cụ Hà Thị L số tiền 280.000.000 đồng (trong đó mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán 93.300.000 đồng cho cụ Hà Thị L). Sau khi cụ Hà Thị L nhận đủ số tiền 280.000.000 đồng thì có nghĩa vụ bàn giao lại nhà đất cho ông Nguyễn Trường S, Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Bích T quản lý, sử dụng với phần cụ Hà Thị L được chia theo bản án sơ thẩm.

Chi phí tố tụng: Cụ Hà Thị L, bà Nguyễn Bích T, ông Nguyễn Chính N, ông Nguyễn Trường S mỗi người phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 4.337.750 đồng. Cụ Hà Thị L đã nộp đủ số tiền 4.337.750 đồng. Bà Nguyễn Bích T, ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N mỗi người có trách nhiệm nộp trả cho cụ Hà Thị L số tiền là 4.337.750 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm, cụ Hà Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cụ Hà Thị L và các bị đơn ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Thị Bích T thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án, Việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm, cụ Hà Thị L, và các bị đơn ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Thị Bích T thỏa thuận được với nhau về chia kỷ phần thừa kế theo giá trị tài sản phần cụ Lư được hưởng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm: Ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản được chia, theo điểm a khoản 7 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Phải chịu

án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

[2] Cụ Hà Thị L và các bị đơn ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Thị Bích T thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể: Ông Nguyễn Trường S, Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Bích T có nghĩa vụ thanh toán cho cụ Hà Thị L số tiền 280.000.000 đồng (trong đó mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán 93.300.000 đồng cho cụ Hà Thị L). Sau khi cụ Hà Thị L nhận đủ số tiền 280.000.000 đồng thì có nghĩa vụ bàn giao lại nhà đất cho ông Nguyễn Trường S, Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Bích T cùng quản lý, sử dụng với phần cụ Hà Thị L được chia theo bản án sơ thẩm. Và có quyền kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Về diện tích đất, tài sản trên đất được chia theo bản án sơ thẩm các đương sự đều nhất trí giữ nguyên.

[3] Về chi phí tố tụng: Cụ Hà Thị L, bà Nguyễn Bích T, ông Nguyễn Chính N, ông Nguyễn Trường S mỗi người phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 4.337.750 đồng. Xác nhận cụ Hà Thị L đã nộp đủ số tiền 4.337.750 đồng. Bà Nguyễn Bích T, ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N mỗi người có trách nhiệm nộp trả cho cụ Hà Thị L số tiền là 4.337.750 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cụ Hà Thị L, Ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản được chia, theo điểm a khoản 7 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuy nhiên cụ Hà Thị L thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí nên cụ Hà Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng.

[5] Về số tiền án phí dân sự sơ thẩm của các đương sự cần xác định lại:

[6] Tại biên bản định giá tài sản xác định giá trị đất tranh chấp như sau: Đất thuộc vị trí 1, khu vực 1, có 02 loại, đất ở có giá 5.000.000đ/m^2 x 100m^2= 500.000.000 đồng. Đất trồng cây lâu năm có giá: 600.000đ/m^2 x 635,4m^2 = 381.240.000 đồng; tổng cộng là 881.240.000 đồng. Cấp sơ thẩm chia tài sản thừa kế bằng hiện vật cho các đồng thừa kế và dành một diện tích để mở lối đi chung, cụ thể: Lối đi chung có diện tích 157,2m^2 có giá 94.320.000đ; tài sản trên lối đi chung có giá là 12.857.000 đồng; tổng cộng là 107.177.000 đồng. Như vậy, giá trị về đất còn lại để chia là: 774.063.000 đồng.

[7] Như vậy, mỗi đồng thừa kế còn lại được nhận giá trị tài sản thừa kế chia theo pháp luật là: 774.063.000 đồng – 280.000.000 đồng = 494.063.000

đồng : 3 = 164.687.666 đồng. Do vậy, giá trị theo tài sản và án phí được chia của 3 thừa kế, xác định lại như sau:

[8] Bà Nguyễn Thị T được chia theo giá trị đất là: 164.687.666 đồng và giá trị tài sản trên đất 9.273.000 đồng tổng cộng là: 173.960.666 đồng.

[9] Ông Nguyễn Chính N được chia theo giá trị đất là: 164.687.666 đồng và giá trị tài sản trên đất 6.123.000 đồng, tổng cộng là: 170.810.666 đồng.

[10] Ông Nguyễn Trường S được chia theo giá trị đất là: 164.687.666 đồng và giá trị tài sản trên đất 4.340.000 đồng, tổng cộng là: 169.027.666 đồng.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu mỗi người 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[12] Đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Xét thấy, đây là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử xét thấy cần công nhận sự thỏa thuận này, sửa Bản án sơ thẩm số 08/2021/DS-ST, ngày 15/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, Điều 157; Điều 300; khoản 2 điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 điều 27; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, nguyên đơn cụ Hà Thị L với các bị đơn bà Nguyễn Bích T, ông Nguyễn Chính N, ông Nguyễn Trường S, cụ thể:

1. Buộc ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Bích T có nghĩa vụ thanh toán cho cụ Hà Thị L tổng số tiền là: 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng chẵn) (trong đó ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Bích T mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán là: 93.300.000 đồng cho cụ Hà Thị L). Sau khi cụ Hà Thị L nhận đủ số tiền 280.000.000 đồng thì cụ Hà Thị L phải bàn giao lại đất, tài sản trên đất, cho ông Nguyễn Trường S, Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Bích T cùng quản lý, sử dụng với phần cụ Hà Thị L được chia theo bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Trường S, Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Bích T có quyền đi làm các thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Các quyết định về phân chia di sản thừa kế và tài sản trên đất của Ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Bích T giữ nguyên theo bản án sơ thẩm số 08/2021 ngày 15 tháng 7 năm 2021và quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 02/2021/QĐSCBA ngày 26 tháng 8 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

2. Về chi phí tố tụng

Tổng cộng: 17.351.000 đồng mà cụ Hà Thị L nộp chi phí. Cụ Hà Thị L, bà Nguyễn Bích T, ông Nguyễn Chính N, ông Nguyễn Trường S, mỗi người phải có nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng là 4.337.750 đồng. Xác nhận cụ Hà Thị L đã nộp đủ số tiền 4.337.750 đồng, buộc bà Nguyễn Bích T, ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N mỗi người phải chịu số tiền là 4.337.750 đồng hoàn trả cho cụ Hà Thị L.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, cụ Hà Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

3. Án phí

3.1 Án phí Dân sự sơ thẩm

Cụ Hà Thị L không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí giá ngạch là: 8.698.033 đồng, sung quỹ nhà nước.

Ông Nguyễn Trường S phải chịu án phí giá ngạch là: 8.451.383 đồng, sung quỹ nhà nước.

Ông Nguyễn Chính N phải chịu án phí giá ngạch là: 8.540.533 đồng, sung quỹ nhà nước.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm

Ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Thị Bích T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, xác nhận ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Chính N, bà Nguyễn Thị Bích T đã nộp đủ số tiền trên theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002215; AA/2016/0002214; AA/2016/0002213 cùng ngày 10/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng; tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV&THA
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lộc Sơn Thái